TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:72/2024/DS-ST
Ngày:16-5-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Nguyễn Văn Y

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà tên là Nguyễn Thị P (tên thường gọi P). Qua sự quen biết, bà Phạm Thị Thùy T (tên thường gọi Bé T) có đứng ra làm đầu thảo mở hụi và rủ bà tham gia. Quá trình chơi, bà T có ghi và giao cho bà sổ hụi có ghi "Chủ hụi Bé T" và số điện thoại của bà T và bà T có ký và ghi họ tên trang đầu tiên của sổ hụi.

Dây thứ nhất, trong sổ hụi ghi: "Hụi 1.000.000 khui 10/8/2019, tính 30 phần tháng 2 lần, chị P vô 02 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1.500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 34, "32,500.000 x 2 = 65.000.000" là do bà T ghi, nhưng chưa giao hụi. Những chữ R trên danh sách là do bà T ghi, "25/12/2020 mãng" là do bà T ghi.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày 10/8/2019, gồm 34 phần, tôi tham gia chơi 02 phần và đã đóng đến mãn (ngày 25/12/2020), hốt chót cả hai phần được **65.000.000đồng** tiền vốn nhưng đến nay bà Phạm Thị Thùy T vẫn chưa giao hụi cho bà.

Dây thứ hai, trong sổ hụi ghi: "Hụi 5.000.000đồng khui 25/12/2019. Tính 15 phần. Chị P vô 01 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng có khi 3.800.000đồng có khi 3.900.000đồng từ 01 đến 15.

Nghĩa là hụi 5.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, khởi khui ngày 25/12/2019, gồm 15 phần, bà tham gia chơi 01 phần và đã đóng đến mãn (ngày 25/01/2021), vốn gốc **57.900.000đồng**, hốt chót được 75.000.000đồng nhưng đến nay bà Phạm Thị Thùy T vẫn chưa giao hụi cho bà.

Dây thứ ba, trong sổ hụi ghi: "Hụi 1.000.000đồng khui ngày 10/5/2020 dl, tính phần chị P vô 2 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1.500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày 10/5/2020, gồm 25 phần, bà tham gia chơi 02 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 20 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 1.500.000đồng, tương ứng với số tiền là 1.500.000đồng x 20 = 30.000.000đồng. Sau đó bà Phạm Thị T1 T bị vỡ hụi và còn nợ bà **30.000.000đồng** tiền vốn của dây hụi này.

Dây thứ tư, trong sổ hụi ghi: " Hụi 1.000.000 khui 10/4/2020, tính phần, tháng 2 lần chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1.500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 22.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày 10/4/2020, gồm 30 phần, bà tham gia chơi 01 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 22 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 750.000đồng, tương ứng với số tiền là (750.000đồng x 22) = 16.500.000đồng. Sau đó bà Phạm Thị T1 T bị vỡ hụi và còn nợ bà **16.500.000đồng** tiền vốn của dây hụi này.

Dây thứ năm, trong sổ hụi ghi: "Hụi 1.000.000 khui 20/4/2020 tính phần, tháng 02 lần chị P vô 01 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T

ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 750.000đồng số thứ tự từ 01 đến 21.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui là ngày 20/4/2020, gồm 35 phần, bà tham gia chơi 01 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 21 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 750.000đồng, tương ứng với số tiền là (750.000đồng x 21) = **15.750.000đồng**. Sau đó, bà Phạm Thị Thùy T bị vỡ hụi và còn nợ bà 15.750.000đồng tiền vốn của dây hụi này.

Dây thứ sáu, trong sổ hụi ghi: "Hụi 1.000.000đồng khui 10/4/2020, tính phần tháng 2 lần chị P vô 01 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 7.200.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày 10/4/2020, gồm 25 phần, bà tham gia chơi 01 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 20 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 720.000đồng tương ứng với số tiền là (720.000đồng x 20) = 14.400.000đồng. Sau đó, bà Phạm Thị Thùy T bị vỡ hụi và còn nợ tôi **14.400.000đồng** tiền vốn của dây hụi này.

Dây thứ bảy, trong sổ hụi ghi: "Hụi 1.000.000đồng khui 30/7/2020 tính phần, tháng 2 lần chị P vô 2 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 12, đánh 02 lần số 10 nhưng ngày tháng là bà T ghi đúng.

Nghĩa là hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày 30/7/2020, gồm 25 phần, bà tham gia chơi 02 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 12 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 1.500.000đồng, tương ứng với số tiền (1.500.000đồng x 12) = 18.000.000đồng. Sau đó, Phạm Thị T1 T bị vỡ hụi và còn nợ bà **18.000.000đồng** tiền vốn của dây hụi này.

Dây thứ tám, trong sổ hụi ghi: "Hụi 500.000 khui 15/9/2020 tính phần, tháng 02 lần chị P vô 01 phần" là do bà T ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 360.000đồng số thứ tự từ 01 đến 10.

Nghĩa là hụi 500.000đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khởi khui ngày15/9/2020, gồm 25 phần, bà tham gia chơi 01 phần và đã đóng cho bà Phạm Thị Thùy T được 10 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 360.000đồng. Tương ứng với số tiền là 360.000.000đồng x 10 = 3.600.000đồng. Sau đó bà Phạm Thị T1 T bị vỡ hụi và còn nợ bà **3.600.000đồng** tiền vốn của dây hụi này.

Tổng cộng bà Phạm Thị Thùy T còn nợ bà tiền nợ hụi là 238.250.000đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn trình bày: Bà tên thường gọi là Bé T2 còn Nguyễn Thị P tên thường gọi P, bà có làm chủ hụi nhiều dây hụi, bà có mở sổ hụi và đưa cho hụi viên khi

chơi hụi, trên trang đầu tiên của sổ bà có ghi chủ hụi Bé T2, ghi số điện thoại và ký ghi họ tên, hàng tháng hụi viên đóng tiền thì bà sẽ ghi ngày tháng và số tiền đóng vào sổ hụi, có hụi viên bà đưa sổ hụi thì không lấy, giao hụi thì không chịu ký tên nhận hụi. Đối với sổ hụi do bà P cung cấp thì bà thừa nhận do sổ bà đưa bà P trên trang đầu tiên của sổ bà có ghi chủ hụi Bé T2, ghi số điện thoại và ký ghi họ tên, hàng tháng bà P đóng tiền thì bà sẽ ghi ngày tháng và số tiền đóng vào sổ hụi.

Dây thứ nhất: "Hụi 1.000.000 khui 10/8/2019, tính 30 phần tháng 2 lần, chị P vô 02 phần" là do chị ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1.500.000đồng từ 01 đến 34, "32,500.000 x 2 = 65.000.000" là do bà ghi do đã giao hụi xong nhưng không có ai làm chứng cũng không có ký tên. Những chữ R là bà ghi. "25/12/2020 mãng" là do bà ghi.

Dây thứ hai: "Hụi 5.000.000đồng khui 25/12/2019. Tính 15 phần. Chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng có khi 3.800.000đồng có khi 3.900.000đồng từ 01 đến 15.

Dây thứ ba: "Hụi 1.000.000đồng khui ngày 10/5/2020 dl, tính phần chị P vô 2 phần" là do tôi ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20.

Dây thứ tư: " Hụi 1.000.000 khui 10/4/2020, tính phần, tháng 2 lần chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 22.

Dây thứ năm: "Hụi 1.000.000 khui 20/4/2020 tính phần, tháng 02 lần chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 750.000đồng số thứ tự từ 01 đến 21.

Dây thứ sáu: "Hụi 500.000đồng khui 10/4/2020, tính phần tháng 2 lần chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì tôi ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 360.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20.

Dây thứ bảy: "Hụi 1.000.000đồng khui 30/7/2020 tính phần, tháng 2 lần chị P vô 2 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 1500.000đồng số thứ tự từ 01 đến 12, đánh 02 lần số 10 nhưng ngày tháng là bà ghi đúng.

Dây thứ tám: "Hụi 500.000 khui 15/9/2020 tính phần, tháng 02 lần chị P vô 01 phần" là do bà ghi, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 360.000đồng số thứ tự từ 01 đến 10.

Tuy nhiên các dây hụi này bà đã giao chủ hụi giao cho hụi viên nhưng không có ghi vô sổ, không có người làm chứng, các hụi viên tự ngưng chứ không

phải do bụi bị bể, do các hụi viên ngưng hàng loại nên bà không có tiền giao đủ hết, các chứng từ giao hụi bà sẽ tìm và cung cấp cho Toà án sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đối với dây hụi thứ sáu hụi 1.000.000đồng là dây hụi 500.000đồng, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T2 ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 360.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20, nên yêu cầu bà T2 trả bà số tiền vốn gốc của dây hụi là 7.200.000đồng. Đối với dây hụi thứ hai bà chỉ yêu cầu vốn gốc là 57.900.000đồng. Do đó, bà yêu cầu Toà án xét xử, buộc bà T2 phải trả bà tổng cộng số tiền hụi là 213.950.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đã giao hụi xong. Bà và bà T2 đều thừa nhận các dây hụi trước khi giao tiền hụi cho bà P thì không có biên nhận giao tiền hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Thùy T có hộ khẩu tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà P khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đối với dây hụi thứ sáu hụi 1.000.000đồng là dây hụi 500.000đồng, mỗi tháng bà P đóng tiền thì bà T ghi vào sổ hụi ngày tháng năm đóng và số tiền đóng hàng tháng 360.000đồng số thứ tự từ 01 đến 20, nên yêu cầu bà T trả bà số tiền vốn gốc của dây hụi là 7.200.000đồng. Đối với dây hụi thứ hai bà chỉ yêu cầu vốn gốc là 57.900.000đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Phạm Thị Thùy T phải trả số tiền nợ hụi gốc là 213.950.000đồng.

Bà P và bà T thống nhất: Sổ hụi do bà T đưa cho bà P, bà T có ghi "Chủ hụi Bé T" và số điện thoại của bà T và bà T có ký và ghi họ tên trang đầu tiên của sổ hụi, mỗi lần bà P đóng tiền thì bà T sẽ ghi số thứ tự ngày tháng năm số tiền đóng. Hai bên thống nhất có tám dây hụi, mỗi lần đóng tiền thì bà T sẽ ghi số thứ tự và ngày tháng năm và số tiền đóng. Bà P và bà T đều thống nhất cách thức chơi hụi: Khi hốt hụi thì bà T đưa tiền cho bà P và bà P đưa sổ hụi cho bà T, bà

T ghi chữ R vào sổ hụi tại các dòng số thứ tự ngày tháng năm đóng là xong không có biên nhận giao tiền hụi, cũng không có người làm chứng. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là có thật.

Xét số tiền bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Phạm Thị Thùy T phải trả là 213.950.000đồng tiền hụi, xuất phát từ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng góp hụi do bà Phạm Thị Thùy T làm chủ và bà Nguyễn Thị P là hụi viên. Bà Nguyễn Thị P tham gia chơi hụi và đóng hụi sống đầy đủ, bà đã đóng số tiền hụi là 213.950.000đồng.

[3.1] Đối với các dây hụi thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, tám, bà P cho rằng bà T chưa giao hụi, bà T cho rằng đã giao cho bà P nhưng không có ghi vô sổ, không có người làm chứng, các chứng từ giao hụi bà sẽ tìm và cung cấp cho Toà án sau. Toà án cho bà thời gian 15 ngày kể từ ngày 12/3/2024 để tìm kiếm nhưng đến nay đã hơn 02 tháng bà vẫn không cung cấp được cho Toà án, ngoài lời trình bày của bà T và sổ hụi thì không còn chứng cứ nào khác, nguyên đơn bà P không thừa nhận đã nhận tiền hụi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Bà Phạm Thị Thùy T là chủ hụi nên có nghĩa vụ gom tiền hụi viên đã hốt để giao cho bà Nguyễn Thị P, bà cho rằng đã giao tiền hụi đủ nhưng không có gì chứng minh, cũng không ai làm chứng, đủ cơ sở xác định bà T chưa giao hụi là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi theo quy định tại Điều 11, Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, bêu, phường nên bà P khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi gốc các dây hụi này là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với dây hụi thứ nhất: Bà P và bà T thống nhất bà P đã đóng số tiền hụi gồm 33 lần x 1.500.000đồng = 49.500.000đồng hốt chót cả hai phần được 66.000.000đồng, theo bà T thì trừ số tiền huê hồng là 1.000.000đồng, còn lại 65.000.000đồng, bà đã giao xong và ghi chữ "R" còn bà P thì cho rằng chưa giao nên nay bà P yêu cầu bà Phạm Thị Thùy T phải giao hụi cho bà.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên toà bà P và bà T đều thừa nhận giữa bà P và bà T có giao dịch chơi hụi, bà P là hụi viên còn bà T là chủ hụi, các bên thống nhất cách thức chơi hụi như sau: Khi hốt hụi thì bà T đưa tiền cho bà P và bà P đưa sổ hụi cho bà T, bà T ghi chữ R vào sổ hụi tại các dòng số thứ tự ngày tháng năm đóng là xong không có biên nhận giao tiền hụi, cũng không có người làm chứng. Xét thấy từ ngày 25/12/2020 đến khi bà P khởi kiện là ngày 12/01/2024 việc bà T ghi chữ R vào sổ hụi do bà P giữ, bà P cho rằng bà T chưa giao tiền hụi bà lại không có ý kiến, không có yêu cầu gì, không có đơn thưa hay khởi kiện bà T. Bà và bà T lại không có thoả thuận nào khác, không có chứng cứ nào thể hiện bà T chưa giao dây hụi này (ghi chưa giao hoặc giao còn thiếu bao nhiêu tiền). Đến ngày 12/01/2024, bà P mới có đơn khởi kiện bà T. Bà P cho rằng không có biên nhận giao hụi nên bà T chưa giao tiền là chưa phù hợp do cách thức chơi hụi giữa bà T và bà P khi giao tiền hụi không có biên nhận giao tiền hụi

đã được bà P và bà T thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định dây hụi thứ nhất bà T chưa giao cho bà P, nên không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc buộc bà T trả tiền dây hụi này cho bà.

Về lãi: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn không được Toà án chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Thị P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, Điều 471và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 11, 15, 16, 17, 18 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, bêu, phường.

- Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P

Buộc bà Phạm Thị Thùy T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi là 148.950.000đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với dây hụi thứ nhất số tiền 65.000.000đồng.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thùy T phải chịu 7.447.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí đối với bà Nguyễn Thị P.

4. Về quyền kháng cáo: Bà P, bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng Quyên